VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh

Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 157/NĐ-CP ngày 24/11/2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh, có hiệu lực từ ngày 15/01/2017.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh ngày 07 tháng 10 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sau khi thống nhất ý kiến với Ban chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam[1]

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh về cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam; trách

---

[1] Nghị định số 157/NĐ-CP ngày 24/11/2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Cựu chiến binh ngày 07 tháng 10 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sau khi thống nhất ý kiến với Ban chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

nhiệm của cơ quan, tổ chức đối với cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Điều 2. Cựu chiến binh

Cựu chiến binh theo quy định tại Điều 2 Pháp lệnh Cựu chiến binh là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã tham gia đơn vị vũ trang chiến đấu chống ngoại xâm giải phóng dân tộc, làm nhiệm vụ quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã nghỉ hưu, chuyển ngành, phục viên, xuất ngũ, cụ thể như sau:

1. Cán bộ, chiến sĩ quy định tại khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh Cựu chiến binh đã tham gia các đơn vị vũ trang do Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức trước cách mạng Tháng 8 năm 1945 như Đội tự vệ đỏ, du kích Ba Tơ, du kích Bắc Sơn, Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và các đơn vị vũ trang khác do Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức và lãnh đạo.

2. Cán bộ, chiến sĩ quy định tại khoản 2 Điều 2 Pháp lệnh Cựu chiến binh gồm sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân Việt Nam thuộc bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, biệt động đã tham gia kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế từ ngày 30-4-1975 trở về trước (ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng).

3. Cựu chiến binh đã tham gia chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc quy định tại khoản 3 Điều 2 Pháp lệnh Cựu chiến binh gồm:

a) Đội viên đội công tác vũ trang trong vùng địch tạm chiếm ở miền Bắc từ ngày 20-7-1954 về trước (ngày ký kết Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương).

b) Cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, du kích tập trung ở miền Bắc từ ngày 27 tháng 01 năm 1973 trở về trước (ngày ký Hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc), đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền[2]

---

[2] Tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ bổ sung cụm từ "đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở đơn vị tập trung" theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017

c) Cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, du kích ở miền Nam từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước, đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu theo sự quản lý, phân công hoặc giao nhiệm vụ của tổ chức, cơ sở cách mạng có thẩm quyền[3].

4. Công nhân viên quốc phòng quy định tại khoản 4 Điều 2 Pháp lệnh Cựu chiến binh đã tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống ngoại xâm từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 về trước.

5. Cán bộ, chiến sĩ quy định tại khoản 5 Điều 2 Pháp lệnh Cựu chiến binh gồm:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân viên quốc phòng thuộc quân đội nhân dân Việt Nam[4] đã tham gia chiến đấu, làm nhiệm vụ quốc tế, trực tiếp phục vụ chiến đấu trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan đơn vị có thẩm quyền sau ngày 30 tháng 4 năm 1975[5].

b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc[6] đã phục viên, nghỉ hưu, chuyển ngành.

6. Những đối tượng quy định tại Điều 2 Pháp lệnh Cựu chiến binh và được cụ thể tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 2 của Nghị định này không được công nhận là cựu chiến binh trong các trường hợp sau:

a) Người đầu hàng địch; phản bội; người vi phạm kỷ luật bị tước danh hiệu quân nhân; công nhân viên quốc phòng bị kỷ luật buộc thôi việc;

b) Người bị kết án tù mà chưa được xóa án tích.

7. Việc xác nhận cựu chiến binh:

---

[3] Tại điểm c khoản 3 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ bổ sung cụm từ "đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu theo sự quản lý, phân công hoặc giao nhiệm vụ của tổ chức, cơ sở cách mạng có thẩm quyền" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017.

[4] Tại điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ bãi bỏ cụm từ "cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017

[5] Tại điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ bổ sung đoạn "Cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan đơn vị có thẩm quyền sau ngày 30 tháng 4 năm 1975" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017

[6] Tại điểm b khoản 5 Điều 2 Nghị định số 150/2006/ND-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ sửa đổi cụm từ "tổ quốc" bởi cụm từ "Tổ quốc" theo quy định tại điểm b khoản khoản 1 Điều 2 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017

a) Việc xác nhận cựu chiến binh được căn cứ vào hồ sơ khi họ đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ, xuất ngũ, phục viên, nghỉ hưu tại địa phương, do cơ quan quân sự xã, phường, thị trấn nơi cựu chiến binh đang cư trú chủ trì, phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp xác nhận;

b) Trường hợp hồ sơ bị thất lạc, việc xác nhận là cựu chiến binh do cơ quan quân sự cấp xã nơi họ nhập ngũ phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp xem xét xác minh lời khai của họ và lập danh sách để Ủy ban nhân dân nơi họ nhập ngũ xác nhận;

c) Việc xác nhận là cựu chiến binh trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào hồ sơ khi tiếp nhận cựu chiến binh về cơ quan, tổ chức, đơn vị và do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó xác nhận.

8. Việc kết nạp hội viên Hội Cựu chiến binh Việt Nam thực hiện theo quy định của Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam và hướng dẫn của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Điều 3. Ngày truyền thống của Cựu chiến binh

1. Ngày 06 tháng 12 hàng năm là ngày truyền thống cựu chiến binh.

2. Ngày truyền thống của Cựu chiến binh nhằm:

a) Tôn vinh, biểu dương sự cống hiến to lớn của Cựu chiến binh trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm giải phóng dân tộc, làm nhiệm vụ quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc ta;

b) Động viên các thế hệ Cựu chiến binh giữ vững và phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; gương mẫu trong cuộc sống, là tấm gương sáng trong giáo dục cho thế hệ trẻ.

3. Kịp thời tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày truyền thống của cựu chiến binh; tuyên truyền về cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam; tổ chức gặp mặt, thăm hỏi Cựu chiến binh có hoàn cảnh khó khăn và những hoạt động khác để động viên, giúp đỡ Cựu chiến binh.

CHƯƠNG II
CỰU CHIẾN BINH

Điều 4. Chính sách đối với Cựu chiến binh

1. Cựu chiến binh được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đóng góp tiền, tài sản để đầu tư xây dựng nhà tình nghĩa, cơ sở dịch vụ chăm sóc, trung tâm điều trị và phục hồi sức khỏe, câu lạc bộ văn hóa, thể thao, thể dục dưỡng sinh đối với Cựu chiến binh

và tài trợ cho các hoạt động giúp đỡ Cựu chiến binh ở cộng đồng dân cư hoặc trung tâm điều trị, phục hồi sức khỏe.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và công dân căn cứ vào điều kiện cụ thể hỗ trợ Cựu chiến binh tổ chức tham quan du lịch, nghỉ ngơi, điều dưỡng.

Điều 5. Quyền lợi của Cựu chiến binh

1. Cựu chiến binh thuộc đối tượng người có công với cách mạng được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

2. Cựu chiến binh được ưu tiên tạo việc làm, giao đất, giao rừng, giao mặt nước để sản xuất, kinh doanh và tham gia các dự án phát triển kinh tế - xã hội:

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân viên quốc phòng thuộc quân đội nhân dân Việt Nam đã tham gia chiến đấu, làm nhiệm vụ quốc tế, trực tiếp phục vụ chiến đấu trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu ở đơn vị tập trung theo quyết định thành lập hoặc giao nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã phục viên, nghỉ hưu, chuyển ngành.

3. Nhà nước khuyến khích Cựu chiến binh thành lập các hợp tác xã, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp để nhận đất, rừng, mặt nước, tham gia các dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Cựu chiến binh trong độ tuổi lao động được ưu tiên: học nghề, tạo việc làm, tuyển dụng vào làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp với sức khỏe và chuyên môn đào tạo, xuất khẩu lao động.

5. Cựu chiến binh thuộc diện nghèo theo chuẩn do Chính phủ quy định được:

a) Ưu tiên cấp thẻ bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế;

b) Ưu tiên vay các nguồn vốn ưu đãi của Ngân hàng chính sách - xã hội để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm xóa đói, giảm nghèo; chính quyền địa phương, Ngân hàng chính sách - xã hội có trách nhiệm tạo điều kiện để Cựu chiến binh được vay vốn ưu đãi theo quy định của pháp luật.

6. [7]Cựu chiến binh tham gia kháng chiến từ ngày 30/4/1975 trở về trước hoặc tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia,

---

[7] Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017.

giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, khi từ trần được hưởng chế độ mai táng phí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành.

7. Cựu chiến binh cô đơn, không nơi nương tựa, không có nguồn thu nhập khi hết tuổi lao động được Hội Cựu chiến binh cơ sở đề nghị, chính quyền địa phương xác nhận thì được ưu tiên tiếp nhận vào nuôi dưỡng, chăm sóc tại các trung tâm nuôi dưỡng của[8] xã hội; cựu chiến binh được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật[9].

8. Cựu chiến binh khi chết được chính quyền, cơ quan, đơn vị, đoàn thể địa phương phối hợp với Hội Cựu chiến binh và gia đình tổ chức tang lễ. Nghi thức tổ chức và phân cấp tổ chức tang lễ, mai táng phí, các chế độ, chính sách khác thực hiện theo quy định hiện hành do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Quốc phòng, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện.

9. Cựu chiến binh trong các cơ quan[10] làm công tác Hội Cựu chiến binh được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định hiện hành, được tham gia thi tuyển vào các trường đào tạo của trung ương, địa phương để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Hội. Kinh phí đào tạo do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo chế độ đào tạo cán bộ, công chức hiện hành.

10. Cựu chiến binh được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III
HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội Cựu chiến binh Việt Nam được thực hiện theo Điều 9 Pháp lệnh Cựu chiến binh.

Điều 7. Tổ chức của Hội Cựu chiến binh Việt Nam

---

[8] Tại khoản 7 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ bổ sung từ "của" và [9] bổ sung cụm từ "cựu chiến binh được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2017

[10] Tại khoản 9 Điều 5 Nghị định số 170/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ thay thế cụm từ "biên chế" bởi cụm từ "các cơ quan" theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2017

1. Hội Cựu chiến binh Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, được tổ chức từ Trung ương đến cơ sở gồm:

a) Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

b) Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Hội Cựu chiến binh huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

d) Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn.

2. Tổ chức, biên chế bộ máy giúp việc của Hội Cựu chiến binh các cấp do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định.

3. Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tổ chức như sau:

a) Hội Cựu chiến binh ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị Trung ương mà tổ chức Đảng thuộc Đảng ủy khối cơ quan Trung ương thì tổ chức Hội Cựu chiến binh đó trực thuộc Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

b) Hội Cựu chiến binh ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà tổ chức Đảng thuộc cấp ủy địa phương thì tổ chức Hội Cựu chiến binh đó trực thuộc Hội Cựu chiến binh cùng cấp đồng thời chịu sự chỉ đạo thống nhất về nghiệp vụ của Hội Cựu chiến binh cấp trên.

4. [11]Trong doanh nghiệp nếu có đủ điều kiện thành lập Hội Cựu chiến binh thì được tổ chức như sau:

a) Đối với doanh nghiệp có tổ chức Đảng thì Hội Cựu chiến binh cấp trên cơ sở cùng với tổ chức Đảng tại doanh nghiệp căn cứ vào điều kiện cụ thể phối hợp với doanh nghiệp thành lập Hội Cựu chiến binh tại doanh nghiệp đó.

b) Đối với doanh nghiệp chưa có tổ chức Đảng, nếu người lao động là cựu chiến binh có nhu cầu thành lập hội thì tổ chức Đảng cấp trên cơ sở phối hợp với doanh nghiệp và Hội Cựu chiến binh cấp trên cơ sở xem xét, quyết định thành lập Hội Cựu chiến binh tại doanh nghiệp đó.

Điều 8. Nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh Việt Nam

1. Nhiệm vụ, hoạt động của Hội Cựu chiến binh Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh Cựu chiến binh.

2. Hội Cựu chiến binh Việt Nam có nhiệm vụ vận động, tập hợp quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về, tiếp tục phát huy truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" tham gia câu lạc bộ, Ban liên lạc Cựu quân nhân và các hoạt động khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Pháp lệnh Cựu chiến binh.

---

[11] Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2017

Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn các cấp Hội và cơ quan quân sự địa phương thống nhất thực hiện.

3. Tổ chức chăm lo, giúp đỡ Cựu chiến binh nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế gia đình, xóa đói giảm nghèo, làm giầu hợp pháp, tổ chức các hoạt động tình nghĩa để Cựu chiến binh tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Pháp lệnh Cựu chiến binh.

4. Hội Cựu chiến binh có trách nhiệm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cựu chiến binh quy định tại khoản 5 Điều 11 Pháp lệnh Cựu chiến binh; Cựu chiến binh được hưởng các dịch vụ tư vấn, trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định hiện hành. Văn phòng trợ giúp pháp lý của Hội Cựu chiến binh và các tổ chức trợ giúp pháp lý khác có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn, thực hiện trợ giúp pháp lý cho Cựu chiến binh theo quy định của pháp luật.

5. Hoạt động đối ngoại nhân dân của Hội Cựu chiến binh Việt Nam theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Pháp lệnh Cựu chiến binh và thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 9. Kinh phí, tài sản của Hội Cựu chiến binh Việt Nam[12]

1. Nguồn kinh phí hoạt động của Hội Cựu chiến binh bao gồm:

a) Nguồn thu hội phí;

b) Nguồn viện trợ, tài trợ;

c) Nguồn kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp, gồm:

- Kinh phí của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và của Hội Cựu chiến binh các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở Trung ương do ngân sách Trung ương bảo đảm.

- Kinh phí của Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và của Hội Cựu chiến binh các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm.

d) Nguồn hỗ trợ từ các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và tổ chức khác;

đ) Các nguồn thu khác (nếu có).

2. Tài sản của Hội Cựu chiến binh bao gồm:

a) Tài sản Nhà nước giao;

b) Tài sản do cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài tài trợ, cho, tặng theo quy định của pháp luật.

---

[12] Điều 9 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2017

3. Kinh phí hoạt động của tổ chức Hội Cựu chiến binh trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và doanh nghiệp do các đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp đó bảo đảm và được hạch toán chi phí hoạt động theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Kinh phí, tài sản của Hội Cựu chiến binh được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

5. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động của Hội Cựu chiến binh thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính."

Điều 10. Chính sách, chế độ đối với Cựu chiến binh đang làm công tác Hội Cựu chiến binh

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh chuyên trách ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước[13], hàng tháng ngoài tiền lương hiện hưởng, được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo như người giữ chức vụ lãnh đạo cùng cấp của tổ chức chính trị - xã hội khác; khuyến khích các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác áp dụng quy định này tùy điều kiện cụ thể của tổ chức, đơn vị doanh nghiệp[14].

2. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh làm công tác kiêm nhiệm ở cơ quan, tổ chức, đơn vị, hàng tháng ngoài tiền lương hiện hưởng, được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm như người giữ chức vụ lãnh đạo cùng cấp của các đoàn thể chính trị - xã hội khác.

3. Cựu chiến binh được bầu cử, bổ nhiệm, tuyển dụng làm công tác Hội Cựu chiến binh từ Trung ương đến cấp huyện không hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức hàng tháng:

a) Cựu chiến binh được bầu cử, bổ nhiệm từ Trung ương đến cấp huyện được hưởng lương theo quy định hiện hành và phụ cấp chức vụ lãnh đạo như cán bộ đoàn thể chính trị - xã hội khác cùng cấp. Việc đóng bảo hiểm và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành.

b) Người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế đang làm công tác Hội Cựu chiến binh được hưởng lương và các chế độ chính sách[15] theo quy định hiện hành. Việc đóng bảo hiểm và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định hiện hành.

---

[13] Tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ bổ sung cụm từ "doanh nghiệp nhà nước" theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2017.

[14] Tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ bổ sung cụm từ "khuyến khích các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác áp dụng quy định này tùy điều kiện cụ thể của tổ chức, đơn vị doanh nghiệp" theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2017.

4. [16] Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) được hưởng lương, phụ cấp theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ. Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã được hưởng phụ cấp như Phó Chủ tịch tổ chức chính trị - xã hội khác theo quy định hiện hành.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch và những người thuộc biên chế của Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội Cựu chiến binh huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được hưởng lương và các chế độ chính sách theo quy định hiện hành.

5. [17]Cựu chiến binh đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đảm nhiệm chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã; cựu chiến binh tham gia công tác tại cơ quan Hội Cựu chiến binh từ cấp huyện trở lên khi thôi làm công tác hội thì được hưởng chế độ, chính sách như sau:

a) Ở cấp xã: Đối với Chủ tịch cứ mỗi năm tham gia công tác hội được hưởng trợ cấp một lần bằng nửa (1/2) tháng lương hiện hưởng (gồm mức lương theo chức danh và phụ cấp chức vụ lãnh đạo); đối với Phó Chủ tịch cứ mỗi năm công tác được hưởng trợ cấp một lần bằng nửa (1/2) tháng phụ cấp hiện hưởng; thời gian công tác để tính trợ cấp được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ở cấp huyện trở lên: Cứ mỗi năm tham gia công tác hội được hưởng trợ cấp một lần bằng nửa (1/2) tháng lương hiện hưởng (gồm mức lương theo chức danh và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, nếu có); thời gian công tác để tính trợ cấp được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

CHƯƠNG IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI CỰU CHIẾN BINH, HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

---

[15] Bổ sung cụm từ "và các chế độ chính sách" tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2017.

[16] Khoản 4 và [17] khoản 5 Điều 10 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2017.

Điều 11. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình, Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành và hướng dẫn thực hiện các chính sách về cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam theo các lĩnh vực được phân công.

3. Định kỳ hàng năm có chương trình làm việc với Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam để nghe báo cáo tình hình hoạt động, những kiến nghị, đề xuất của Hội Cựu chiến binh Việt Nam về các vấn đề liên quan đến cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, các cơ quan chức năng nghiên cứu, xây dựng, hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, đảm bảo quyền lợi đối với cựu chiến binh.

2. Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đảm bảo ngân sách đã được phê duyệt, cơ sở vật chất, phương tiện theo quy định của nhà nước để Hội Cựu chiến binh Việt Nam hoạt động có hiệu quả.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam hướng dẫn việc thực hiện các chính sách về giao đất, giao rừng, giao mặt nước cho cựu chiến binh.

4. Bộ Ngoại giao phối hợp với Trung ương Hội Cựu chiến binh và các cơ quan chức năng hướng dẫn, tạo điều kiện để Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam thực hiện công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế theo quy định hiện hành.

5. Bộ Tư pháp phối hợp với Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; tư vấn, trợ giúp pháp lý đối với Cựu chiến binh theo quy định của pháp luật.

6. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đảm bảo kinh phí để Hội Cựu chiến binh cùng cấp hoạt động; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cựu chiến binh; tạo điều kiện để Hội Cựu chiến binh, Cựu chiến binh tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Định kỳ 6 tháng Ủy ban nhân dân các cấp làm việc với Hội Cựu chiến binh cùng cấp để nghe báo cáo về công tác của Hội và giải quyết các đề xuất, kiến nghị liên quan đến cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp[18]

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để cựu chiến binh, Hội Cựu chiến binh các cấp hoạt động.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành[19]

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành[20]

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn chế độ, chính sách, bảo đảm quyền lợi đối với cựu chiến binh theo quy định tại Nghị định này.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn việc đảm bảo kinh phí cho hoạt động của Hội Cựu chiến binh trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định này.

3. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn về thực hiện trợ giúp pháp lý đối với cựu chiến binh.

---

[18] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2017.

[19] Điều 2 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ quy định hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2017.

[20] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2017.

4. Bộ Nội vụ phối hợp với Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định này và các quy định tại Nghị định số 98/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định việc thành lập tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ NỘI VỤ

Số: 01/VBHN-BNV

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2017

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Trọng Thừa

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng